

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRƯỜNG THPT  
TÂN PHƯỚC KHÁNH**

Số: 628/QĐ-THPTTPK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi  
ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT Tân Phước Khánh (lần 14)**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TÂN PHƯỚC KHÁNH**

*Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 4951/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 14);*

*Theo đề nghị của bộ phận Kế toán.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT Tân Phước Khánh theo Quyết định số 4951/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (chi tiết theo Biểu số 2 đính kèm).

**Điều 2.** Hình thức và thời gian công khai: niêm yết tại trụ sở nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Thời gian công khai là 90 ngày, kể từ ngày niêm yết.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bộ phận Kế toán, Tổ Văn phòng và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Website trường
- Lưu: VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Phạm Trọng Sang**

**Đơn vị: TRƯỜNG THPT TÂN PHƯỚC KHÁNH**  
**Chương: 422 – Loại 070 – Khoản 074**

*Biểu số 2 – Ban hành kèm theo Thông tư  
số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm  
2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số  
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm  
2018 của Bộ Tài chính*

## **ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số 4951/QĐ-SGDĐT ngày 29/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo  
Thành phố Hồ Chí Minh)*

*(Kèm theo Quyết định số 628/QĐ-THPTTPK ngày 07/10/2026 của Hiệu trưởng Trường  
THPT Tân Phước Khánh)*

*(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)*

*Đơn vị tính: đồng*

| STT         | Nội dung                                                | Dự toán được giao |
|-------------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>A</b>    | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>      | <b>0</b>          |
| <b>I</b>    | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                               | <b>0</b>          |
| 1           | Lệ phí                                                  | 0                 |
| 2           | Lệ phí B                                                | 0                 |
| <b>II</b>   | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                 | <b>0</b>          |
| 1           | Chi sự nghiệp                                           | 0                 |
| 2           | Chi quản lý hành chính                                  | 0                 |
| 3           | Số phí, lệ phí nộp NSNN                                 | 0                 |
| 3.1         | Lệ phí                                                  | 0                 |
| <b>B</b>    | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                   | <b>95.703.000</b> |
| <b>I</b>    | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           | <b>0</b>          |
| <b>II</b>   | <b>Nghiên cứu khoa học</b>                              | <b>0</b>          |
| <b>III</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>        | <b>95.703.000</b> |
| 1           | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          | 0                 |
| 2           | Kinh phí nhiệm vụ cải cách tiền lương (TX)              | 0                 |
| 3           | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    | 95.703.000        |
| 4           | Kinh phí nhiệm vụ cải cách tiền lương (KTX)             | 0                 |
| <b>IV</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           | <b>0</b>          |
| <b>V</b>    | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               | <b>0</b>          |
| <b>VI</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            | <b>0</b>          |
| <b>VII</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  | <b>0</b>          |
| <b>VIII</b> | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  | <b>0</b>          |
| <b>IX</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> | <b>0</b>          |
| <b>X</b>    | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   | <b>0</b>          |
| 10.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          | 0                 |
| 10.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    | 0                 |
| <b>XI</b>   | <b>Chi Chương trình mục tiêu</b>                        | <b>0</b>          |